

CHÍNH PHỦ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2024/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO 3

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về khu công nghệ thông tin tập trung

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày ... tháng ... năm 20...;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về khu công nghệ thông tin tập trung.

Chương I.
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về việc thành lập, mở rộng, công nhận khu công nghệ thông tin tập trung; quản lý, vận hành, khai thác; cơ chế, chính sách và quản lý nhà nước đối với khu công nghệ thông tin tập trung.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài tham gia đầu tư, thành lập, quản lý và các hoạt động khác liên quan đến khu công nghệ thông tin tập trung.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Khu công nghệ thông tin tập trung là khu chức năng, tập trung các hoạt động nghiên cứu - phát triển, đào tạo, sản xuất và kinh doanh sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin, cung cấp hạ tầng, cung ứng dịch vụ công nghệ thông tin cho các tổ chức, doanh nghiệp và các hoạt động khác liên quan đến công nghệ thông tin.

2. Chủ đầu tư khu công nghệ thông tin tập trung là tổ chức, cá nhân sở hữu vốn hoặc được giao trực tiếp quản lý, sử dụng vốn để thực hiện hoạt động đầu tư xây dựng khu công nghệ thông tin tập trung.

3. Cơ quan đăng ký đầu tư tại Nghị định này là Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc Ban quản lý khu công nghiệp tùy theo phân công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 4. Mục tiêu của khu công nghệ thông tin tập trung

Khu công nghệ thông tin tập trung có các mục tiêu sau đây:

1. Hình thành trung tâm về công nghệ thông tin, tạo hạ tầng cho ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin; thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp công nghệ thông tin; hình thành trung tâm nghiên cứu - phát triển sản phẩm công nghệ thông tin, phục vụ cho việc đào tạo, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghệ thông tin; ươm tạo doanh nghiệp công nghệ thông tin.

2. Tạo môi trường thuận lợi cho các hoạt động đầu tư nhằm thu hút vốn, công nghệ trong và ngoài nước, góp phần xây dựng ngành công nghiệp công nghệ thông tin trở thành ngành kinh tế trọng điểm, quan trọng của quốc gia.

3. Tạo môi trường làm việc đạt tiêu chuẩn quốc tế, thu hút lao động chất lượng cao, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp công nghệ thông tin Việt Nam.

4. Tạo ra các sản phẩm và dịch vụ công nghệ thông tin có khả năng thay thế sản phẩm nhập khẩu, góp phần thúc đẩy phát triển các ngành, lĩnh vực.

5. Góp phần tăng trưởng kinh tế, nâng cao trình độ công nghệ sản xuất và sức cạnh tranh của các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp Việt Nam; nâng cao vị thế, thương hiệu công nghệ thông tin Việt Nam.

6. Hình thành trung tâm cung cấp hạ tầng và các dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông.

Điều 5. Chức năng, nhiệm vụ của khu công nghệ thông tin tập trung

Khu công nghệ thông tin tập trung có chức năng, nhiệm vụ sau đây:

1. Thực hiện và liên kết các hoạt động nghiên cứu - phát triển, ứng dụng, chuyển giao về công nghệ thông tin;

2. Sản xuất và kinh doanh sản phẩm công nghệ thông tin, cung ứng dịch vụ công nghệ thông tin;

3. Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực công nghệ thông tin;

4. Ươm tạo công nghệ và doanh nghiệp công nghệ thông tin;
5. Xúc tiến thương mại công nghệ thông tin; tổ chức hội chợ, triển lãm, trình diễn sản phẩm và dịch vụ công nghệ thông tin;
6. Xúc tiến đầu tư trong nước và ngoài nước để thúc đẩy hoạt động công nghệ thông tin;
7. Cung cấp hạ tầng, dịch vụ và các điều kiện cần thiết để các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong khu công nghệ thông tin tập trung thực hiện các chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều này.

Điều 6. Các hoạt động đầu tư vào khu công nghệ thông tin tập trung

Các hoạt động đầu tư vào khu công nghệ thông tin tập trung bao gồm:

1. Xây dựng và kinh doanh các công trình hạ tầng kỹ thuật; tòa nhà văn phòng làm việc, cơ sở sản xuất phục vụ cho các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin.
2. Nghiên cứu - phát triển, chuyển giao ứng dụng về công nghệ thông tin.
3. Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm phần mềm, nội dung số và dịch vụ công nghệ thông tin.
4. Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm phần cứng, điện tử thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển theo quy định của pháp luật về công nghệ cao.
5. Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực công nghệ thông tin.
6. Ươm tạo công nghệ, doanh nghiệp công nghệ thông tin; xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư về công nghệ thông tin.
7. Cung cấp dịch vụ phục vụ các hoạt động trong khu công nghệ thông tin tập trung.

Điều 7. Tổ chức các phân khu chức năng của khu công nghệ thông tin tập trung

1. Khu công nghệ thông tin tập trung được tổ chức thành 02 nhóm phân khu chức năng chính:
 - a) Nhóm phân khu thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của khu công nghệ thông tin tập trung bao gồm:
 - Phân khu sản xuất, kinh doanh sản phẩm và dịch vụ công nghệ thông tin.
 - Phân khu nghiên cứu - phát triển, tư vấn, đào tạo, vươn ướm công nghệ thông tin.
 - Phân khu văn phòng, trụ sở làm việc phục vụ công tác quản lý, điều hành.

- Phân khu công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối như điện, nước, viễn thông, xử lý môi trường, phòng cháy, chữa cháy và các hạ tầng kỹ thuật khác.
- Phân khu trưng bày, hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm và truyền thông.
- Phân khu chức năng khác thực hiện các chức năng của khu công nghệ thông tin tập trung.

b) Nhóm phân khu cung cấp các dịch vụ cho khu công nghệ thông tin tập trung bao gồm:

- Phân khu sinh thái và dịch vụ dân sinh.
- Phân khu tài chính hoặc liên kết tài chính, ngân hàng.
- Phân khu khác cung cấp các dịch vụ cho khu công nghệ thông tin tập trung.

2. Khu công nghệ thông tin tập trung có thể không có đầy đủ các phân khu chức năng như quy định tại Khoản 1 Điều này, nhưng tổng diện tích đất Nhóm phân khu thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của khu công nghệ thông tin tập trung phải bảo đảm chiếm tối thiểu 60% diện tích đất xây dựng. Việc bố trí, tổ chức từng phân khu chức năng có thể tập trung hoặc phân tán phù hợp với điều kiện thực tế của từng khu.

3. Mật độ xây dựng của khu công nghệ thông tin tập trung đáp ứng đồng thời các chỉ tiêu sau:

- a) Mật độ xây dựng thuần của lô đất xây dựng tòa nhà, cơ sở sản xuất tối đa là 60% diện tích lô đất.
- b) Tỷ lệ cây xanh, giao thông, các khu kỹ thuật tối thiểu 21% diện tích toàn khu trở lên.

Chương II.

PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TẬP TRUNG

Mục I. Nội dung về quy hoạch phát triển khu công nghệ thông tin tập trung

Điều 8. Nội dung quy hoạch phát triển khu công nghệ thông tin tập trung trong Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông

1. Phương hướng phát triển khu công nghệ thông tin tập trung là một nội dung trong quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông.

2. Nội dung phương hướng phát triển khu công nghệ thông tin tập trung bao gồm các nội dung cơ bản sau:

- a) Mục tiêu, định hướng phân bổ không gian, điều kiện, tiêu chí, tổ chức thực hiện và giải pháp về phát triển khu công nghệ thông tin tập trung trong kỳ quy hoạch.

b) Dự kiến số lượng, định hướng sử dụng đất khu công nghệ thông tin tập trung của vùng, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong kỳ quy hoạch.

Điều 9. Nội dung quy hoạch phát triển khu công nghệ thông tin tập trung trong Quy hoạch tỉnh

1. Phương án phát triển hệ thống khu công nghệ thông tin tập trung là một nội dung của quy hoạch tỉnh.

2. Nội dung phương án phát triển hệ thống khu công nghệ thông tin tập trung bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

a) Mục tiêu, định hướng, tổ chức thực hiện và giải pháp về phát triển hệ thống khu công nghệ thông tin tập trung trong kỳ quy hoạch.

b) Danh mục các khu công nghệ thông tin tập trung trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

c) Thể hiện phương án phát triển hệ thống khu công nghệ thông tin tập trung trên bản đồ quy hoạch.

3. Nội dung Danh mục các khu công nghệ thông tin tập trung trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương bao gồm:

a) Tên của khu công nghệ thông tin tập trung;

b) Quy mô diện tích và địa điểm dự kiến xây dựng của khu công nghệ thông tin tập trung.

4. Việc lập Danh mục các khu công nghệ thông tin tập trung trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Phát triển khu công nghệ thông tin tập trung với quy mô hợp lý về diện tích mặt bằng, phân bổ hợp lý về ngành nghề chuyên môn, vị trí địa lý để đảm bảo hiệu quả đầu tư; Trong đó ưu tiên phần đất đã được quy hoạch cho xây dựng khu công nghiệp, khu kinh tế và các khu khác để xây dựng khu công nghệ thông tin tập trung.

c) Khu công nghệ thông tin tập trung phải có khả năng kết nối đồng bộ với hệ thống các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và có khả năng thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, huy động các nguồn lực để phát triển khu khu công nghệ thông tin tập trung.

d) Đáp ứng quy định về bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên, phòng, chống thiên tai, bảo vệ đê điều, hành lang bảo vệ bờ biển, sử dụng đất lấn biển, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, di sản thiên nhiên.

đ) Phù hợp với phương hướng xây dựng khu công nghệ thông tin tập trung trong quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông.

5. Trường hợp điều chỉnh phương án phát triển khu công nghệ thông tin tập trung trong Quy hoạch tỉnh phải phù hợp với định hướng phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông.

6. Phương án phát triển hệ thống khu công nghệ thông tin tập trung là cơ sở để tổ chức:

a) Lập, điều chỉnh quy hoạch xây dựng mới và mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung.

b) Lập, điều chỉnh kế hoạch đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội phục vụ sự phát triển của khu công nghệ thông tin tập trung.

Mục II. Thành lập, mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung

Điều 10. Điều kiện thành lập, mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung

1. Điều kiện thành lập khu công nghệ thông tin tập trung bao gồm:

a) Phù hợp với Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, Quy hoạch tỉnh và các quy hoạch có liên quan đã được phê duyệt.

b) Chức năng, nhiệm vụ của khu công nghệ thông tin tập trung phải phù hợp với các quy định tại Điều 5 Nghị định này.

c) Các khu công nghệ thông tin tập trung đang hoạt động trên địa bàn có diện tích đất của nhóm phân khu thực hiện chức năng, nhiệm vụ của khu công nghệ thông tin tập trung đã cho thuê, thuê lại đạt tối thiểu 60%.

2. Điều kiện mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung bao gồm:

a) Hệ thống kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung đã được cơ bản đầu tư hoàn chỉnh theo quy hoạch xây dựng được phê duyệt.

b) Diện tích đất của nhóm phân khu thực hiện chức năng, nhiệm vụ của khu công nghệ thông tin tập trung đã cho thuê, thuê lại đạt tối thiểu 60%.

Điều 11. Thẩm quyền và trình tự thành lập, mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung

1. Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung.

2. Hồ sơ thành lập khu công nghệ thông tin tập trung được lập theo quy định tại Điều 12 Nghị định này.

3. Hồ sơ mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung được lập theo quy định tại Điều 13 Nghị định này.

Điều 12. Hồ sơ thành lập khu công nghệ thông tin tập trung

1. Hồ sơ thành lập khu công nghệ thông tin tập trung bao gồm:

a) Tờ trình Thủ tướng Chính phủ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc thành lập khu công nghệ thông tin tập trung;

b) Đề án thành lập khu công nghệ thông tin tập trung gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Sự cần thiết và căn cứ pháp lý của việc thành lập bao gồm cả các dẫn chứng, tài liệu chứng minh phù hợp các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định này.

- Đánh giá các điều kiện về vị trí địa lý, tự nhiên, kinh tế - xã hội của khu vực dự kiến xây dựng khu công nghệ thông tin tập trung.

- Bản mô tả phương hướng phát triển khu công nghệ thông tin tập trung, gồm mục tiêu phát triển, chức năng, nhiệm vụ, phương hướng phát triển các hoạt động công nghệ thông tin; định hướng phát triển các khu chức năng; đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội dự kiến đạt được.

- Dự toán tổng mức đầu tư, phương thức huy động nguồn vốn đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật chung, hạ tầng kỹ thuật các khu chức năng.

- Các giải pháp tổ chức thực hiện việc xây dựng và quản lý khu công nghệ thông tin tập trung; giải pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Thể hiện phương án thành lập khu công nghệ thông tin tập trung trên bản vẽ tỷ lệ 1:2000.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi 01 bộ hồ sơ thành lập khu công nghệ thông tin tập trung qua đường bưu chính hoặc trực tuyến tới Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 13. Hồ sơ mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung

1. Hồ sơ mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung bao gồm:

a) Tờ trình Thủ tướng Chính phủ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung;

b) Đề án mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Sự cần thiết và căn cứ pháp lý của việc mở rộng khu bao gồm cả các dẫn chứng, tài liệu chứng minh phù hợp các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định này.

- Báo cáo tổng thể hoạt động khu công nghệ thông tin tập trung bao gồm các nội dung: (i) tổng quan về khu (quá trình hình thành phát triển, mô hình tổ chức quản lý); tổng mức đầu tư qua các thời kỳ; (ii) Báo cáo đánh giá hiệu quả đầu tư, tài chính; (iii) Báo cáo đánh giá tác động kinh tế - xã hội và môi trường; (iv) Phương hướng phát triển mở rộng khu.

- Đánh giá các điều kiện về vị trí địa lý, tự nhiên, kinh tế - xã hội của khu vực dự kiến mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung.

- Bản mô tả phương hướng phát triển khu công nghệ thông tin tập trung, gồm mục tiêu phát triển, chức năng, nhiệm vụ, phương hướng phát triển các hoạt động công nghệ thông tin; định hướng phát triển các khu chức năng; đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội dự kiến đạt được.

- Dự toán tổng mức đầu tư, phương thức huy động nguồn vốn đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật chung, hạ tầng kỹ thuật các khu chức năng.

- Các giải pháp tổ chức thực hiện việc xây dựng và quản lý khu.

- Thể hiện phương án mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung trên bản đồ tỷ lệ 1:2000.

- Các giải pháp tổ chức thực hiện việc xây dựng và quản lý khu; giải pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi 01 bộ hồ sơ thành lập khu công nghệ thông tin tập trung qua đường bưu chính hoặc trực tuyến tới Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 14. Thẩm định thành lập, mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung

1. Bộ Thông tin và Truyền thông thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung.

2. Thẩm định thành lập, mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung bao gồm các nội dung sau đây:

a) Cơ sở pháp lý và sự cần thiết.

b) Sự phù hợp của việc thành lập, mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung phù hợp với các quy hoạch: hạ tầng thông tin và truyền thông, quy hoạch quy hoạch tỉnh.

c) Các mục tiêu, chỉ tiêu của việc thành lập, mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung và bố trí các nguồn lực.

d) Mức độ đáp ứng các điều kiện tương ứng của việc thành lập, mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung.

đ) Các giải pháp thực hiện và tính khả thi của việc thành lập, mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung.

3. Trình tự, thủ tục thẩm định:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ Hồ sơ thành lập, mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung, Bộ Thông tin và Truyền thông lấy ý kiến của các Bộ, ngành có liên quan.

Trường hợp hồ sơ không đáp ứng được quy định nêu tại Điều 11, Điều 12

hoặc Điều 13 Nghị định này, Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ sung hồ sơ. Thời gian bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định.

b) Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Bộ Thông tin và Truyền thông, các Bộ, ngành có ý kiến gửi Bộ Thông tin và Truyền thông.

Trong trường hợp cần thiết, Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức cuộc họp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để làm rõ những vấn đề liên quan.

c) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của các Bộ, ngành liên quan, Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Mục III. Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và thực hiện dự án đầu tư vào khu công nghệ thông tin tập trung

Điều 15. Đầu tư hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung

1. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ thành lập, mở rộng khu công nghệ khu công nghệ thông tin tập trung đồng thời là Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung.

Khu công nghệ thông tin tập trung có thể được thực hiện bằng nguồn vốn nhà nước hoặc bằng nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật.

2. Mỗi khu công nghệ thông tin tập trung có một hoặc nhiều chủ đầu tư hạ tầng, nhà đầu tư thực hiện đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung.

3. Trường hợp khu công nghệ thông tin tập trung được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn nhà nước, đối tượng, trình tự, thủ tục quyết định phê duyệt và thực hiện dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định này và các quy định pháp luật có liên quan.

4. Đối với khu công nghệ thông tin tập trung được đầu tư bằng nguồn vốn nhà nước, các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thứ cấp trong khu bằng nguồn vốn khác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư. Trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định pháp luật về đầu tư.

5. Trường hợp khu công nghệ thông tin tập trung được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn khác thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư và các quy định của Nghị định này, như sau:

a) Việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung được tiến hành thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 1 Điều 29 của Luật Đầu tư.

b) Nhà đầu tư được lựa chọn theo quy định tại điểm a khoản này phải hoàn thiện các thủ tục theo quy định của pháp luật đầu tư nộp cho Cơ quan đăng ký đầu tư để cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Điều 16. Quy hoạch xây dựng khu công nghệ thông tin tập trung

1. Quy hoạch xây dựng khu công nghệ thông tin tập trung được lập trên cơ sở phương án phát triển khu công nghệ thông tin tập trung trong quy hoạch tỉnh. Việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng khu công nghệ thông tin tập trung được thực hiện theo quy định pháp luật về quy hoạch xây dựng đối với khu chức năng.

2. Quy hoạch chung xây dựng, quy hoạch phân khu xây dựng khu công nghệ thông tin tập trung được phê duyệt là cơ sở để tổ chức lập quy hoạch chi tiết xây dựng trong trường hợp cần thiết; Tổ chức lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung sử dụng vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công; tổ chức lập hồ sơ dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung theo quy định pháp luật về đầu tư.

3. Khi lập quy hoạch phân khu xây dựng trong khu công nghệ thông tin tập trung thuộc khu vực có quy hoạch chung xây dựng hoặc quy hoạch chung đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì không cần lập nhiệm vụ quy hoạch. Khi lập quy hoạch chi tiết xây dựng trong khu công nghệ thông tin tập trung tại khu vực có trong quy hoạch chung xây dựng (nếu có), quy hoạch phân khu xây dựng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì không cần lập nhiệm vụ.

4. Đơn vị quản lý, vận hành khu công nghệ thông tin tập trung phối hợp với các cơ quan chuyên môn về quy hoạch, xây dựng và Ủy ban nhân dân các cấp để tổ chức quản lý các hoạt động quy hoạch, đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng trong khu công nghệ thông tin tập trung theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung

1. Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Điều kiện kinh doanh bất động sản theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản.

b) Điều kiện để được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử

dụng đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung theo quy định của pháp luật về đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Trường hợp nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung là tổ chức kinh tế do nhà đầu tư nước ngoài dự kiến thành lập theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về doanh nghiệp thì tổ chức kinh tế dự kiến thành lập phải có khả năng đáp ứng điều kiện để được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh lĩnh vực công nghệ thông tin cho chính doanh nghiệp và không cho thuê thì không phải đáp ứng điều kiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp chọn áp dụng đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thì các tiêu chuẩn đánh giá để lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung bao gồm:

a) Năng lực của nhà đầu tư được xây dựng trên cơ sở các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Tiêu chuẩn đánh giá về kinh nghiệm của nhà đầu tư được xây dựng trên cơ sở quy mô diện tích, tiến độ thực hiện, tình hình thực hiện của dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung, khu công nghiệp hoặc dự án bất động sản khác mà nhà đầu tư đã thực hiện hoặc đã góp vốn chủ sở hữu để thực hiện dự án; chủ sở hữu, thành viên, cổ đông sáng lập là tổ chức của nhà đầu tư đã thực hiện hoặc đã góp vốn chủ sở hữu để thực hiện dự án.

c) Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật được xây dựng trên cơ sở nội dung Quyết định phê duyệt quy hoạch xây dựng khu công nghệ thông tin tập trung, Quyết định thành lập khu công nghệ thông tin tập trung của Thủ tướng Chính phủ.

d) Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính - thương mại được xây dựng trên cơ sở nội dung Quyết định thành lập khu công nghệ thông tin tập trung của Thủ tướng Chính phủ và quy định khác của pháp luật có liên quan đến lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất.

Điều 18. Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung

1. Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

a) Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư.

b) Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư.

c) Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư đã được kiểm toán; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư.

d) Đề xuất dự án đầu tư gồm các nội dung chủ yếu sau: nhà đầu tư, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ thực hiện, thông tin về hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án và đề xuất nhu cầu sử dụng đất (nếu có), nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án, đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

d) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 15 của Nghị định này; Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư và chấp thuận nhà đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 15. Trường hợp dự án đầu tư không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao giấy tờ về quyền sử dụng đất hoặc tài liệu khác xác định quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư.

2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cơ quan đăng ký đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung.

3. Nội dung Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung được quy định tại Điều 40 Luật Đầu tư.

Điều 19. Thời hạn bảo đảm xây dựng và vận hành khai thác khu công nghệ thông tin tập trung

1. Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày được bàn giao đất đã hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng, chủ đầu tư xây dựng khu công nghệ thông tin tập trung phải bảo đảm cơ bản hoàn thành việc xây dựng hạ tầng cơ sở như: đường giao thông nội bộ, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống điện, xử lý nước thải và môi trường để cung cấp cho các nhà đầu tư.

2. Định kỳ 05 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động, Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện đánh giá hiệu quả hoạt động của các khu công nghệ thông tin tập trung đã được thành lập, mở rộng đáp ứng theo các tiêu chí quy định tại Điều 21 Nghị định này.

3. Trường hợp khu công nghệ thông tin tập trung không đáp ứng một trong các tiêu chí theo quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Điều 7, Bộ Thông tin và Truyền thông báo cáo trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định huỷ bỏ Quyết định thành lập, mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung.

Điều 20. Thực hiện dự án đầu tư vào khu công nghệ thông tin tập trung

1. Dự án đầu tư vào khu công nghệ thông tin tập trung chỉ được thực hiện các hoạt động quy định tại Điều 6 Nghị định này.

2. Cơ quan đăng ký đầu tư thực hiện cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư trong khu công nghệ thông tin tập trung theo quy định pháp luật về đầu tư, pháp luật về công nghệ thông tin và các quy định pháp luật liên quan khác.

3. Đối với các dự án lĩnh vực công nghệ thông tin, cơ quan đăng ký đầu tư có trách nhiệm lấy ý kiến của Sở Thông tin và Truyền thông bằng văn bản để đánh giá sản phẩm, dịch vụ, công nghệ của dự án phù hợp với các hoạt động được đầu tư vào khu công nghệ thông tin tập trung và phù hợp với định hướng, quy hoạch phát triển lĩnh vực thông tin và truyền thông.

Trường hợp các dự án sản xuất, kinh doanh các sản phẩm phần cứng, điện tử thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển theo quy định của pháp luật về công nghệ cao, cơ quan đăng ký đầu tư lấy thêm ý kiến của Sở Khoa học và Công nghệ.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản trả lời cơ quan đăng ký đầu tư về dự án đầu tư vào khu công nghệ thông tin tập trung.

4. Dự án đầu tư vào khu công nghệ thông tin tập trung có sử dụng đất phải thực hiện thủ tục chấp thuận chấp thuận chủ trương đầu tư theo khoản 4 Điều 15 của Nghị định này trước khi thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

5. Đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nếu có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư để áp dụng ưu đãi, nhà đầu tư nộp văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho cơ quan đăng ký đầu tư để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Chương III.

CÔNG NHẬN KHU CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TẬP TRUNG

Điều 21. Tiêu chí công nhận khu công nghệ thông tin tập trung

Các tiêu chí công nhận khu công nghệ thông tin tập trung bao gồm:

1. Có hoạt động phù hợp các chức năng, nhiệm vụ của khu công nghệ thông tin tập trung được quy định tại Điều 5 Nghị định này.

2. Có tối thiểu 2000 lao động làm việc chuyên môn về công nghệ thông tin, chiếm tối thiểu 60% tổng số lao động làm việc trong khu. Đối với các khu chỉ tập trung các cơ sở sản xuất phần mềm, nội dung số và dịch vụ công nghệ thông tin phải có ít nhất 1000 lao động làm việc chuyên môn về công nghệ thông tin, chiếm tối thiểu 60% tổng số lao động làm việc trong khu.

3. Đối với các khu chỉ tập trung các cơ sở sản xuất phần mềm, nội dung số và dịch vụ công nghệ thông tin thì tổng diện tích đất tối thiểu phải đạt 01 ha. Trường hợp khu có thêm các hoạt động khác thì tổng diện tích đất tối thiểu phải đạt 05 ha.

4. Có các phân khu chức năng phù hợp theo quy định tại Điều 7 của Nghị định này.

Điều 22. Nguyên tắc, thẩm quyền công nhận khu công nghệ thông tin tập trung

1. Các loại hình khu khác đang hoạt động đáp ứng theo quy định tại Điều 21 Nghị định này được xem xét công nhận khu công nghệ thông tin tập trung.

2. Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận khu công nghệ thông tin tập trung.

3. Các khu được công nhận là khu công nghệ thông tin tập trung phải thực hiện đúng chức năng quy định tại Điều 5, các tiêu chí quy định tại Điều 21 và chỉ được thu hút các hoạt động đầu tư quy định tại Điều 6 Nghị định này.

4. Việc công nhận khu công nghệ thông tin tập trung là căn cứ để áp dụng chính sách ưu đãi đối với khu công nghệ thông tin tập trung cho nhà đầu tư hạ tầng và các doanh nghiệp hoạt động trong khu.

Điều 23. Hồ sơ công nhận khu công nghệ thông tin tập trung

1. Hồ sơ công nhận khu công nghệ thông tin tập trung bao gồm:

a) Tờ trình Thủ tướng Chính phủ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc công nhận khu công nghệ thông tin tập trung.

b) Giấy chứng nhận đầu tư cấp cho Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu.

c) Báo cáo tổng thể hoạt động khu bao gồm các nội dung:

- Tổng quan về khu (quá trình hình thành phát triển, mô hình tổ chức quản lý; tổng mức đầu tư qua các thời kì,...).

- Thuyết minh sự phù hợp các tiêu chí quy định tại Điều 21 Nghị định này và các tài liệu giải trình kèm theo.

- Báo cáo đánh giá hiệu quả đầu tư.

- Báo cáo tài chính (nếu có).

- Báo cáo đánh giá tác động kinh tế - xã hội và môi trường.

- Các giải pháp tổ chức thực hiện việc xây dựng, quy hoạch và quản lý khu sau khi được công nhận là khu công nghệ thông tin tập trung.

- Bản mô tả phương hướng phát triển khu gồm mục tiêu phát triển, chức năng, nhiệm vụ, phương hướng phát triển các hoạt động công nghệ thông tin.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi 01 bộ hồ sơ công nhận khu công nghệ thông tin tập trung qua đường bưu chính hoặc trực tuyến tới Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 24. Thẩm định công nhận khu công nghệ thông tin tập trung

1. Bộ Thông tin và Truyền thông thẩm định công nhận khu công nghệ thông tin tập trung, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

2. Thẩm định công nhận khu công nghệ thông tin tập trung bao gồm các nội dung sau đây:

a) Cơ sở pháp lý và sự cần thiết của việc công nhận khu công nghệ thông tin tập trung.

b) Khả năng đáp ứng các tiêu chí khu công nghệ thông tin tập trung quy định tại Điều 21 Nghị định này.

c) Các giải pháp tổ chức thực hiện việc xây dựng, quy hoạch và quản lý khu sau khi được công nhận là khu công nghệ thông tin tập trung.

3. Trình tự, thủ tục thẩm định:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ Hồ sơ công nhận khu công nghệ thông tin tập trung, Bộ Thông tin và Truyền thông lấy ý kiến của các Bộ, ngành liên quan.

b) Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Bộ Thông tin và Truyền thông, các Bộ, ngành có ý kiến gửi Bộ Thông tin và Truyền thông.

Trong trường hợp cần thiết, Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức cuộc họp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để làm rõ những vấn đề liên quan.

c) Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của các Bộ, ngành liên quan, Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 25. Đánh giá hiệu quả, thu hồi hoặc chấm dứt hiệu lực Quyết định công nhận khu công nghệ thông tin tập trung

1. Định kỳ sau 05 năm kể từ ngày có Quyết định công nhận khu công nghệ thông tin tập trung, Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện đánh giá việc đáp ứng các tiêu chí quy định tại Điều 21 Nghị định này.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông báo cáo trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định thu hồi hoặc chấm dứt hiệu lực Quyết định công nhận khu công

nghệ thông tin tập trung trong các trường hợp sau:

- a) Khu công nghệ thông tin tập trung vi phạm quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về xây dựng, pháp luật về đất đai, pháp luật về môi trường và quy định khác của pháp luật có liên quan.
- b) Khu công nghệ thông tin tập trung không còn đáp ứng tiêu chí xác định khu công nghệ thông tin tập trung quy định tại Điều 21 của Nghị định này tại thời điểm thực hiện đánh giá của Bộ Thông tin và Truyền thông.
- c) Theo đề nghị bằng văn bản của nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung về việc huỷ bỏ công nhận khu công nghệ thông tin tập trung.

Chương IV. CHUỖI CÔNG VIÊN PHẦN MỀM

Điều 26. Chuỗi Công viên phần mềm

1. Chuỗi Công viên phần mềm là mô hình liên kết hoạt động giữa một hoặc nhiều khu công nghệ thông tin tập trung với các công viên phần mềm, trung tâm công nghệ thông tin và các loại hình khu khác có chức năng hoạt động sản xuất, cung cấp dịch vụ phần mềm.
2. Chuỗi Công viên phần mềm được tổ chức trên cơ sở tự nguyện tham gia của các thành viên và được Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập với mục tiêu hợp tác, tương trợ trong hoạt động sản xuất, cung cấp dịch vụ phần mềm.
3. Chuỗi Công viên phần mềm được áp dụng các chính sách ưu đãi đối với khu công nghệ thông tin tập trung theo quy định tại Nghị định này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 27. Điều kiện thành lập Chuỗi Công viên phần mềm

Thành lập Chuỗi Công viên phần mềm phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Có tối thiểu 03 thành viên tham gia, trong đó có ít nhất 01 thành viên là khu công nghệ thông tin tập trung theo quy định của pháp luật.
2. Thành viên Chuỗi Công viên phần mềm là khu công nghệ thông tin tập trung đã đi vào hoạt động tối thiểu 03 năm; tỷ lệ lấp đầy tối thiểu 80%; có khả năng chuyên giao công nghệ, kinh nghiệm quản lý và hỗ trợ các thành viên khác trong Chuỗi Công viên phần mềm thực hiện hoạt động sản xuất, cung cấp dịch vụ phần mềm.
3. Thành viên khác có chức năng, nhiệm vụ của khu công nghệ thông tin tập trung theo quy định tại Điều 5 của Nghị định này.

Điều 28. Hồ sơ thành lập Chuỗi Công viên phần mềm

1. Hồ sơ thành lập Chuỗi Công viên phần mềm bao gồm
 - a) Văn bản đề nghị thành lập Chuỗi Công viên phần mềm.
 - b) Hồ sơ pháp nhân của thành viên: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định phê duyệt đầu tư và các giấy tờ khác có liên quan.
 - c) Nghị quyết hội nghị thành lập Chuỗi Công viên phần mềm.
 - d) Phương án phát triển Chuỗi Công viên phần mềm.
 - đ) Dự thảo Quy chế và Điều lệ hoạt động.
 - e) Báo cáo tình hình hoạt động của thành viên.
2. Hồ sơ được lập thành 01 bộ hồ sơ thành lập Chuỗi Công viên phần mềm qua đường bưu điện (hoặc trực tuyến, nếu có áp dụng), gửi Bộ Thông tin và Truyền thông thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ.

Điều 29. Thẩm định và trình tự thành lập Chuỗi Công viên phần mềm

1. Bộ Thông tin và Truyền thông thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập Chuỗi Công viên phần mềm.
2. Thẩm định thành lập Chuỗi Công viên phần mềm bao gồm các nội dung sau đây:
 - a) Cơ sở pháp lý và sự cần thiết.
 - b) Sự phù hợp của việc thành lập Chuỗi Công viên phần mềm phù hợp với định hướng chiến lược, quy hoạch phát triển ngành thông tin và truyền thông và của tỉnh.
 - c) Mức độ đáp ứng điều kiện thành lập Chuỗi Công viên phần mềm theo quy định tại Điều 27 của Nghị định này.
 - d) Các giải pháp thực hiện và tính khả thi của việc thành lập Chuỗi Công viên phần mềm.

3. Trình tự, thủ tục thẩm định:

- a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ Hồ sơ thành lập Chuỗi Công viên phần mềm, Bộ Thông tin và Truyền thông lấy ý kiến của các Bộ, ngành, cơ quan và tổ chức có liên quan.

Trường hợp hồ sơ không đáp ứng được quy định nêu tại Điều 28 của Nghị định này, Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ. Thời gian bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định.

- b) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Bộ Thông tin và Truyền thông, các Bộ, ngành, cơ quan và tổ chức có liên quan có ý

kiến gửi Bộ Thông tin và Truyền thông. Trường hợp cần thiết, Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức cuộc họp để làm rõ những vấn đề liên quan.

c) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của các Bộ, ngành, cơ quan và tổ chức có liên quan, Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 30. Phát triển thành viên Chuỗi Công viên phần mềm

1. Trong quá trình hoạt động, Chuỗi Công viên phần mềm được kết nạp thêm thành viên.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định việc kết nạp, huỷ bỏ tư cách thành viên Chuỗi Công viên phần mềm theo đề nghị của tổ chức quản lý Chuỗi Công viên phần mềm.

Chương V

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH KHU CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TẬP TRUNG

Điều 31. Quản lý tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung được đầu tư bằng nguồn vốn nhà nước

1. Kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung được đầu tư bằng nguồn vốn nhà nước theo quy định của pháp luật là một loại tài sản kết cấu hạ tầng thông tin.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Các phương thức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 80 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Trường hợp thực hiện việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 80 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, đối tượng được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung là đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp nhà nước trực thuộc do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định trên cơ sở đề xuất của các cơ quan chuyên môn. Việc tổ chức khai thác khu công nghệ thông tin tập trung phải được lập thành Đề án và được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt theo quy định của pháp luật.

Trường hợp đơn vị quản lý, sử dụng, khai thác tài sản không còn nhu cầu sử dụng hoặc việc khai thác không hiệu quả thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cơ quan chuyên môn quản lý và đề xuất phương án xử lý.

4. Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung được ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu tư công trình kết cấu hạ tầng hoặc các hạng mục khác trong khu công nghệ thông tin

tập trung có trách nhiệm duy tu, bảo dưỡng và vận hành công trình kết cấu hạ tầng hoặc hạng mục công trình đó để phục vụ hoạt động đầu tư và sản xuất, kinh doanh của các nhà đầu tư, tổ chức, cá nhân trong khu công nghệ thông tin tập trung.

Trong trường hợp này, nhà đầu tư không được tính giá trị tài sản công vào tổng vốn đầu tư của dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung và chi phí để tính giá cho thuê đất, giá cho thuê lại đất, các loại phí sử dụng hạ tầng đối với các dự án đầu tư trong khu công nghệ thông tin tập trung.

Điều 32. Mô hình, chức năng của đơn vị quản lý, vận hành, khai thác khu công nghệ thông tin tập trung

1. Đối với khu công nghệ thông tin tập trung được đầu tư bằng nguồn vốn nhà nước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập đơn vị quản lý hoặc giao cơ quan trực thuộc thực hiện công tác quản lý, vận hành, khai thác và ban hành quy chế hoạt động khu công nghệ thông tin tập trung.

2. Đối với khu công nghệ thông tin tập trung được đầu tư bằng nguồn vốn khác, chủ đầu tư tự quyết định mô hình đơn vị quản lý, vận hành, khai thác khu công nghệ thông tin tập trung phù hợp theo quy định của pháp luật.

Điều 33. Nhiệm vụ và quyền hạn của đơn vị quản lý, vận hành, khai thác khu công nghệ thông tin tập trung

Đơn vị quản lý, vận hành, khai thác khu công nghệ thông tin tập trung có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Quản lý các hoạt động trong khu công nghệ thông tin tập trung theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện các hoạt động xúc tiến và thu hút đầu tư, thương mại.

3. Giải quyết theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền, giải quyết các khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư tại khu công nghệ thông tin tập trung.

4. Thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Chương VI.

CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI KHU CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TẬP TRUNG

Điều 34. Hỗ trợ, ưu đãi đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung

1. Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung được ưu đãi đầu tư như khu công nghệ cao theo quy định pháp luật về đầu tư.

2. Đối với dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung:

a) Được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp và các hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

b) Được Nhà nước hỗ trợ công tác giải phóng mặt bằng để xây dựng khu công nghệ thông tin tập trung.

c) Được miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

d) Được ưu tiên vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước, thực hiện các hình thức huy động vốn hợp pháp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về tín dụng và quy định khác của pháp luật có liên quan.

đ) Được đưa vào danh mục dự án thu hút đầu tư.

e) Được hưởng các chính sách ưu đãi khác của Nhà nước áp dụng đối với hoạt động đầu tư xây dựng khu công nghệ cao.

3. Dự án đầu tư xây dựng công trình dịch vụ trong khu công nghệ thông tin tập trung được hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật.

Điều 35. Hỗ trợ, ưu đãi cho dự án đầu tư hoạt động trong khu công nghệ thông tin tập trung

1. Khu công nghệ thông tin tập trung là địa bàn ưu đãi đầu tư, được hưởng ưu đãi đầu tư áp dụng đối với địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư.

2. Dự án đầu tư vào khu công nghệ thông tin tập trung để thực hiện các hoạt động bao gồm: sản xuất sản phẩm phần mềm, sản phẩm nội dung thông tin số, sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm, dịch vụ phần mềm; nghiên cứu và sản xuất sản phẩm phần cứng, điện tử thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển theo pháp luật về công nghệ cao; ươm tạo công nghệ thông tin; nghiên cứu - phát triển công nghệ thông tin được hưởng các chính sách ưu đãi đầu tư của nhà nước áp dụng đối với dự án thuộc Danh mục ngành nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư đầu tư vào địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật.

3. Được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong thời hạn 15 năm, miễn thuế 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo đối với thu nhập doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại khu công nghệ thông tin tập trung. Đối với doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin có quy mô lớn cần đặc biệt thu hút đầu tư, thì thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi có thể kéo dài nhưng tổng thời gian áp dụng thuế suất 10% không quá 30 năm. Thủ tướng Chính phủ quyết định việc kéo dài thêm thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi 10% quy định tại khoản này theo đề nghị của Bộ

trưởng Bộ Tài chính.

Trường hợp được công nhận là khu công nghệ thông tin tập trung, thành viên Chuỗi Công viên phần mềm, thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh lĩnh vực công nghệ thông tin của các doanh nghiệp hoạt động trong các khu này được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại khoản này. Thời điểm áp dụng ưu đãi tính từ ngày có hiệu lực của Quyết định công nhận hoặc kết nạp thành viên.

4. Dự án đầu tư hoạt động trong khu công nghệ thông tin tập trung được hưởng các chính sách ưu đãi khác của Nhà nước áp dụng đối với doanh nghiệp hoạt động trong khu công nghệ cao.

5. Trường hợp doanh nghiệp, dự án đầu tư đang được hưởng ưu đãi đầu tư và đáp ứng điều kiện hưởng ưu đãi theo quy định tại Nghị định này ở mức cao hơn thì được hưởng ưu đãi ở mức cao hơn cho thời gian ưu đãi còn lại.

6. Để được hưởng các chính sách ưu đãi tại Nghị định này và pháp luật có liên quan, doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp thông tin về tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh định kỳ hàng năm thông qua nền tảng số quản lý, vận hành khu công nghệ thông tin tập trung.

Điều 36. Vốn đầu tư xây dựng khu công nghệ thông tin tập trung

1. Vốn đầu tư xây dựng và phát triển khu công nghệ thông tin tập trung gồm: nguồn vốn nhà nước; vốn đầu tư của các tổ chức, cá nhân và các nguồn vốn hợp pháp khác.

2. Nhà nước ưu tiên hỗ trợ vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước, vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn tín dụng ưu đãi và các hỗ trợ kỹ thuật theo quy định của pháp luật để chuẩn bị đầu tư, giải phóng mặt bằng, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong khu công nghệ thông tin tập trung.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển khu công nghệ thông tin tập trung, đề xuất việc sử dụng vốn từ ngân sách nhà nước chỉ cho đầu tư phát triển để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ đầu tư phát triển khu công nghệ thông tin tập trung, bao gồm:

- a) Chuẩn bị đầu tư.
- b) Lập quy hoạch xây dựng.
- c) Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.
- d) Rà phá bom mìn, vật nổ.
- đ) San lấp mặt bằng.
- e) Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghệ thông tin tập trung theo quy hoạch xây dựng khu công nghệ thông tin tập trung đã được

phê duyệt.

g) Xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông phục vụ hoạt động của doanh nghiệp trong khu công nghệ thông tin tập trung.

h) Xây dựng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội ngoài hàng rào khu công nghệ thông tin tập trung đảm bảo kết nối đồng bộ, phục vụ hoạt động của khu công nghệ thông tin tập trung và người lao động làm việc trong khu công nghệ thông tin tập trung.

i) Xây dựng trụ sở đơn vị quản lý, vận hành khu công nghệ thông tin tập trung.

5. Khu công nghệ thông tin tập trung được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, tùy theo điều kiện thực tế, Nhà nước có thể xem xét ưu tiên hỗ trợ một phần kinh phí cho các nội dung từ điểm a đến điểm h khoản 4 Điều này.

6. Việc sử dụng các nguồn vốn tại Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công, đầu tư, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, đất đai, xây dựng và các quy định của pháp luật có liên quan.

Chương VII. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI KHU CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TẬP TRUNG

Điều 37. Nội dung quản lý nhà nước đối với khu công nghệ thông tin tập trung

1. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch, chương trình và cơ chế, chính sách phát triển khu công nghệ thông tin tập trung.

2. Quy định và hướng dẫn việc thành lập, xây dựng, phát triển và quản lý hoạt động của khu công nghệ thông tin tập trung.

3. Cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các loại giấy phép, chứng chỉ, chứng nhận, tổ chức thực hiện các thủ tục hành chính nhà nước và dịch vụ hỗ trợ có liên quan đến hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh của các tổ chức, cá nhân trong khu công nghệ thông tin tập trung.

4. Tổ chức bộ máy, đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ cho cơ quan quản lý nhà nước về khu công nghệ thông tin tập trung.

5. Hướng dẫn, hỗ trợ, đánh giá hiệu quả đầu tư; kiểm tra, giám sát, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, khen thưởng, xử lý vi phạm và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình hình thành, phát triển và hoạt động khu công nghệ thông tin tập trung.

Điều 38. Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với khu công nghệ thông tin tập trung

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước đối với khu công nghệ thông tin tập trung trong phạm vi cả nước trên cơ sở phân công nhiệm vụ, quyên hạn cụ thể của từng Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại Nghị định này; chỉ đạo việc xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển và ban hành chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về khu công nghệ thông tin tập trung.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:

a) Chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc quản lý nhà nước về khu công nghệ thông tin tập trung trên phạm vi cả nước.

b) Xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các cơ chế, chính sách phát triển khu công nghệ thông tin tập trung.

c) Tổ chức kiểm tra, đánh giá, thanh tra việc xây dựng, phát triển, quản lý và hoạt động của các khu công nghệ thông tin tập trung.

d) Thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, mở rộng và công nhận khu công nghệ thông tin tập trung.

đ) Quyết định kết nạp thành viên Chuỗi Công viên phần mềm.

e) Xây dựng nền tảng số để hỗ trợ, phục vụ công tác quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ, thực hiện hoạt động quản lý, vận hành và phát triển đối với khu công nghệ thông tin tập trung; hỗ trợ các doanh nghiệp trong khu công nghệ thông tin tập trung trao đổi, kết nối, sử dụng các dịch vụ do cơ quan nhà nước và đơn vị vận hành khu công nghệ thông tin tập trung.

Kinh phí xây dựng, vận hành nền tảng số quản lý, vận hành khu công nghệ thông tin tập trung được lấy từ nguồn ngân sách nhà nước cấp cho Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Các Bộ, cơ quan liên quan thực hiện quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ của mình đối với hoạt động của khu công nghệ thông tin tập trung hoặc ủy quyền cho tổ chức quản lý khu công nghệ thông tin tập trung thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Chủ trì xây dựng và chỉ đạo thực hiện phương án phát triển hệ thống khu công nghệ thông tin tập trung trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

b) Chỉ đạo lập và phê duyệt quy hoạch phân khu xây dựng khu công nghệ thông tin tập trung theo quy định tại Điều 7 Nghị định này; thẩm định và phê duyệt thiết kế cơ sở của dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung; quyết định sử dụng vốn ngân sách địa phương để hỗ trợ nhà đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghệ thông tin tập trung theo quy định tại Điều 36 Nghị định này, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công.

c) Chỉ đạo thực hiện thủ tục đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung theo quy định pháp luật về đầu tư.

d) Chỉ đạo thực hiện thủ tục phê duyệt các dự án đầu tư vào khu công nghệ thông tin tập trung theo quy định pháp luật về đầu tư và quy định tại Nghị định này.

d) Quy hoạch đất xây dựng khu tái định cư và các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng cho người lao động làm việc trong khu công nghệ thông tin tập trung; hỗ trợ đầu tư xây dựng khu tái định cư, công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật - xã hội theo quy định của pháp luật; hỗ trợ xúc tiến đầu tư, thương mại; hỗ trợ bồi thường, giải phóng mặt bằng để đẩy nhanh quá trình đầu tư và phát triển khu công nghệ thông tin tập trung.

e) Chỉ đạo thực hiện việc thu hồi diện tích đất, mặt nước, bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định canh, tái định cư và thực hiện các thủ tục cho thuê hoặc giao đất trong khu công nghệ thông tin tập trung theo quy định pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan.

g) Chỉ đạo các tổ chức có liên quan lập kế hoạch đầu tư và tổ chức xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội trong và ngoài hàng rào khu công nghệ thông tin tập trung như: đường giao thông, hệ thống cung cấp điện, cấp thoát nước, truyền thông, cơ sở đào tạo nghề, nhà ở, cơ sở khám chữa bệnh, trường học và các công trình công cộng khác đáp ứng nhu cầu phát triển khu công nghệ thông tin tập trung.

h) Xây dựng và ban hành các chính sách ưu đãi và khuyến khích hỗ trợ nhà đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung, doanh nghiệp và người lao động trong khu công nghệ thông tin tập trung từ ngân sách địa phương phù hợp với quy định của pháp luật.

i) Tổ chức kiểm tra, thanh tra và giám sát việc xây dựng, phát triển, quản lý và hoạt động của các khu công nghệ thông tin tập trung trên địa bàn. Đối với những vấn đề vượt quá thẩm quyền thì phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ giải quyết hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

k) Giao Ban quản lý khu công nghiệp hoặc cơ quan có thẩm quyền trực thuộc thực hiện chức năng quản lý nhà nước trực tiếp đối với khu công nghệ thông tin tập trung trên địa bàn tỉnh hoặc thành phố trực thuộc trung ương theo quy định tại Nghị định này và quy định khác của pháp luật có liên quan; quản lý và tổ chức thực hiện chức năng cung ứng dịch vụ hành chính công và dịch vụ hỗ trợ khác có liên quan đến hoạt động đầu tư và sản xuất, kinh doanh cho doanh nghiệp trong khu công nghệ thông tin tập trung.

Chương VIII.

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 39. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2024.
2. Nghị định số 154/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về khu công nghệ thông tin tập trung hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.
3. Các khu công nghệ thông tin tập trung được công nhận, thành lập trước ngày Nghị định này có hiệu lực tiếp tục được hưởng các chính sách ưu đãi theo quy định của Nghị định này.
4. Các khu công nghệ thông tin tập trung được đầu tư bằng nguồn vốn nhà nước đã được thành lập, công nhận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì phương án quản lý, vận hành và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung tiếp tục thực hiện theo hình thức đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 40. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.
2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KSTT (2b).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Phạm Minh Chính



